

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ  
VIỆT NAM**





*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>	
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2	
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8	
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 45	

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Bùi Ngọc Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Minh Ngọc	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Ủy viên
Ông Nguyễn Anh Minh	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trần Minh Ngọc	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 16 tháng 01 năm 2015)
Ông Nguyễn Anh Minh	Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Quốc Hoàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)
Ông Trần Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 13 tháng 8 năm 2015)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN VÀ XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Nguyễn Mạnh Tiến**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Số: ~~744~~ /VNIA-HN-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2016, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### *Ý kiến của Kiểm toán viên*

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

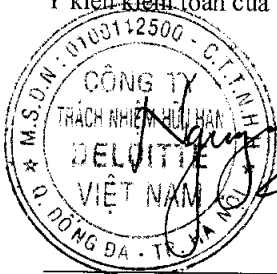
### *Vấn đề cần nhấn mạnh*

Như trình bày tại Thuyết minh số 18 và Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày phát hành báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc và bổ sung các thủ tục theo yêu cầu của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được phê duyệt chuyển nhượng dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang và phê duyệt các giá trị phát sinh chưa lường hết của Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc, dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã điều chỉnh hồi tố một số số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ lũy kế của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là khoảng 3.026 tỷ VND. Vấn đề này ảnh hưởng tới khả năng thanh toán của Tổng Công ty trong 12 tháng tới. Kế hoạch của Ban Tổng Giám đốc liên quan đến vấn đề này được trình bày tại Thuyết minh số 2. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



**Vũ Đức Nguyên**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0764-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Quỳnh Hoa**

**Kiểm toán viên**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0910-2013-001-1

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

**MẪU SỐ B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
				Điều chỉnh lại
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>6.561.222.950.072</b>	<b>6.740.541.910.962</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>525.542.570.371</b>	<b>953.397.259.046</b>
1. Tiền	111		400.042.570.371	883.397.259.046
2. Các khoản tương đương tiền	112		125.500.000.000	70.000.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>99.364.960.768</b>	<b>85.751.269.600</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		201.868.065.000	246.383.353.800
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(158.339.452.000)	(160.632.084.200)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		55.836.347.768	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.188.236.515.346</b>	<b>3.099.511.347.370</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	790.649.294.095	967.362.015.331
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	9	1.112.136.275.736	2.408.884.899.497
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		43.283.031.104	43.283.031.104
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	10	1.051.585.014.870	570.557.986.665
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(809.417.100.459)	(890.576.585.227)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>3.554.629.836.553</b>	<b>2.362.862.753.367</b>
1. Hàng tồn kho	141		3.554.629.836.553	2.362.862.753.367
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>193.449.067.034</b>	<b>239.019.281.579</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	1.647.366.445	515.609.751
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		170.544.360.584	217.246.331.823
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	25	21.257.340.005	21.257.340.005
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.149.784.513.396</b>	<b>2.589.764.127.644</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>316.003.686.351</b>	<b>654.672.650.834</b>
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	14	564.744.018.658	564.744.018.658
2. Phải thu dài hạn khác	216	10	55.393.916.889	89.928.632.176
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	14	(304.134.249.196)	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.438.801.468</b>	<b>44.051.263.765</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	36.091.953.215	32.861.504.720
- Nguyên giá	222		84.800.202.750	74.139.622.098
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.708.249.535)	(41.278.117.378)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	16	13.310.845.098	11.109.217.190
- Nguyên giá	225		18.676.108.182	14.253.750.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(5.365.263.084)	(3.144.532.810)
3. Tài sản cố định vô hình	227	17	36.003.155	80.541.855
- Nguyên giá	228		4.652.380.340	4.652.380.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.616.377.185)	(4.571.838.485)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>18</b>	<b>158.533.013.657</b>	<b>177.572.868.766</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.797.207.501	25.237.880.572
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		133.735.806.156	152.334.988.194
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.554.381.547.587</b>	<b>1.629.109.653.191</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	19	1.986.206.514.396	1.953.830.238.563
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	20	773.588.907.055	876.188.907.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	21	267.259.968.199	267.259.968.199
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	22	(1.472.673.842.063)	(1.468.169.460.626)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>71.427.464.333</b>	<b>84.357.691.088</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	71.427.464.333	84.357.691.088
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>8.711.007.463.468</b>	<b>9.330.306.038.606</b>

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

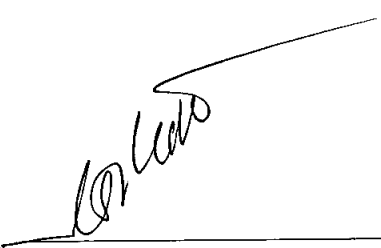
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

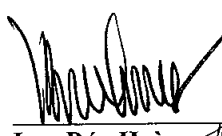
**Mẫu số B 01-DN**

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2015
			Điều chỉnh lại	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>8.415.792.505.159</b>	<b>7.659.815.321.333</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>7.295.266.004.206</b>	<b>6.541.783.049.433</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	1.593.950.747.929	3.217.294.012.278
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	24	4.123.979.993.088	2.414.981.003.750
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	25	2.111.778.058	2.280.828.753
4. Phải trả người lao động	314		38.187.594.077	48.396.743.926
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	26	331.938.604.718	372.826.343.740
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		4.523.664.210	12.000.000
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	27	1.145.910.145.879	427.426.132.844
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28	62.244.687.320	65.847.195.215
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.581.211.073)	(7.281.211.073)
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.120.526.500.953</b>	<b>1.118.032.271.900</b>
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	26	73.926.727.446	73.220.620.500
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		78.774.726.223	78.787.299.545
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	29	961.298.506.991	960.663.265.186
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		6.526.540.293	5.361.086.669
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>914.513.533.447</b>	<b>1.051.192.142.135</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>30</b>	<b>914.513.533.447</b>	<b>1.051.192.142.135</b>
1. Vốn điều lệ	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. (Lỗ) lũy kế	421		(3.162.943.749.287)	(3.026.265.140.599)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.262.481.034.129)	(3.162.943.749.287)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		99.537.284.842	136.678.608.688
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>9.330.306.038.606</b>	<b>8.711.007.463.468</b>

  
**Vũ Thị Châm**  
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

  
**Lưu Đức Hoàng**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Mạnh Tiến**  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

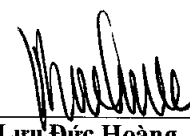
**MÃ SỐ B 02-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
				Điều chỉnh lại
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	32	8.950.086.022.303	6.457.089.021.250
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	32	216.946.739	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	32	8.949.869.075.564	6.457.089.021.250
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	33	8.673.934.056.194	6.417.549.041.073
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		275.935.019.370	39.539.980.177
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	34	124.235.168.046	116.618.145.800
7. Chi phí tài chính	22	35	(107.242.130.774)	348.023.826.278
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.399.836.136	(43.536.395.530)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	36	389.529.986.193	(296.632.735.978)
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-26)	30		117.882.331.997	104.767.035.677
10. Thu nhập khác	31		18.905.467.094	4.569.963.961
11. Chi phí khác	32		1.274.644.027	10.965.168.420
12. Lợi nhuận/(Lỗ) khác (40=31-32)	40		17.630.823.067	(6.395.204.459)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		135.513.155.064	98.371.831.218
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	38	-	-
15. (Thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(1.165.453.624)	(1.165.453.624)
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		136.678.608.688	99.537.284.842

  
**Vũ Thị Châm**  
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

  
**Lưu Đức Hoàng**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Mạnh Tiến**  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

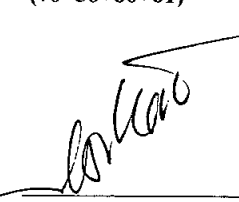
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015


**MÃ SỐ B 03-DN**

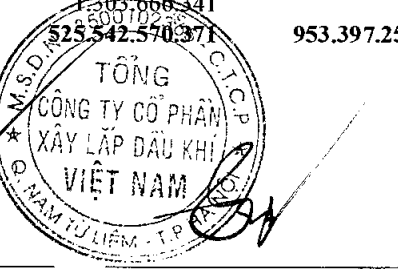
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	
		2015	Điều chỉnh lại
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	135.513.155.064	98.371.831.218
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.017.136.117	9.253.329.761
Các khoản dự phòng	03	225.186.513.665	(193.963.084.510)
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.874.219.677)	(917.258.008)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(34.105.922.935)	(36.400.948.905)
Chi phí lãi vay	06	6.399.836.136	(43.536.395.530)
3. Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	340.136.498.370	(167.192.525.974)
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.007.999.095.661	129.341.237.212
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.191.326.410.115)	(1.379.697.981.044)
Thay đổi các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả)	11	(799.613.041.281)	1.813.412.723.269
Thay đổi chi phí trả trước	12	11.798.470.061	12.292.251.837
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	44.515.288.800	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.815.875.518)	(5.873.314.467)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	9.046.353.985	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(9.890.467.930)	(548.265.898.035)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(589.150.087.967)	(145.983.507.202)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(12.280.537.578)	(19.290.279.284)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	23.721.621.033	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(32.376.275.833)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	120.638.996.000	85.816.159.681
5. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	57.320.663.239	69.104.300.932
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	157.024.466.861	135.630.181.329
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	37.375.039.743	380.372.219.769
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(31.657.146.820)	(399.411.093.089)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.750.626.833)	(2.505.814.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	2.967.266.090	(21.544.687.320)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(429.158.355.016)	(31.898.013.193)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	953.397.259.046	985.295.272.239
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.303.666.341	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	525.542.570.371	953.397.259.046

  
**Vũ Thị Châm**  
 Người lập biểu

Ngày 30 tháng 3 năm 2016

  
**Lưu Đức Hoàng**  
 Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Mạnh Tiến**  
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 45 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 575 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 477 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty gồm văn phòng và các ban điều hành, chi nhánh như sau: Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch, Ban điều hành các dự án PVC phía Nam, Ban điều hành dự án nhà máy sợi tổng hợp Polyester, Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ, Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc và 9 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 19 và 12 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 20.

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính riêng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH****Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Giá định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.026 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là khoảng 3.163 tỷ VND). Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch tăng cường thu hồi các khoản công nợ, quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền và tiếp tục thỏa thuận các khoản vay cần thiết với các ngân hàng và các tổ chức tín dụng để đảm bảo dòng tiền đáp ứng nhu cầu trả các khoản nợ đến hạn của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục nhận được hỗ trợ từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong năm 2016 và các năm tiếp theo, cũng như sẽ nhận được nguồn thu từ các dự án, công trình lớn như Liên hợp Lộ hóa dầu Nghi Sơn, Nhiệt điện Thái Bình, Nhiệt điện Vũng Áng, đảm bảo dòng tiền để thanh toán các khoản nợ đến hạn và đáp ứng nhu cầu vốn kinh doanh. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn này.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI****Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Công cụ tài chính*****Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu cho vay, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản vay và nợ thuê tài chính.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Các khoản cho vay***

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công ty con***

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

***Góp vốn liên doanh***

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)*****Góp vốn liên doanh (Tiếp theo)***

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thoả thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

***Đầu tư vào công ty liên kết***

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

***Nợ phải thu***

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<b>2015</b> (Số năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 7

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuê tài sản (Tiếp theo)**

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

Phương tiện vận tải

**2015**  
(Số năm)  
6 - 10

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính.

*Phần mềm máy tính:* Là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

**Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Hợp đồng xây dựng**

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***5. ĐIỀU CHỈNH HỒI TỔ VÀ PHÂN LOẠI LẠI**

Sau khi phát hành báo cáo tài chính riêng năm 2014 của Tổng Công ty, Tổng Công ty đã nhận được Báo cáo kiểm toán Tổng Công ty năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Kiểm toán Nhà nước về báo cáo tài chính năm 2014 của Tổng Công ty. Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước, Tổng Công ty đã điều chỉnh sổ kế toán và báo cáo tài chính riêng năm 2014 theo Kiểm toán Nhà nước.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Tổng Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của báo cáo tài chính riêng năm 2014 đã được phân loại lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với số liệu của năm nay.

Ảnh hưởng của các điều chỉnh và phân loại này như sau:

	Số đã báo cáo	Điều chỉnh hồi tố/ Phân loại lại	Số sau điều chỉnh
	VND	VND	VND
<b>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Các khoản phải thu ngắn hạn	3.312.014.852.732	(212.503.505.362)	3.099.511.347.370
Hàng tồn kho	2.460.368.764.536	(97.506.011.169)	2.362.862.753.367
Tài sản ngắn hạn khác	329.047.666.806	(90.028.385.227)	239.019.281.579
Các khoản phải thu dài hạn	-	654.672.650.834	654.672.650.834
Tài sản cố định	196.386.251.959	(152.334.988.194)	44.051.263.765
Tài sản dở dang dài hạn	-	177.572.868.766	177.572.868.766
Tài sản dài hạn khác	143.437.201.488	(143.437.201.488)	-
Đầu tư tài chính dài hạn	1.511.365.775.191	117.743.878.000	1.629.109.653.191
Nợ ngắn hạn	7.156.572.861.352	138.693.142.854	7.295.266.004.206
Nợ dài hạn	1.052.078.910.815	68.447.590.138	1.120.526.500.953
Vốn chủ sở hữu	867.474.960.279	47.038.573.168	914.513.533.447
<b>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.453.223.605.152	3.865.416.098	6.457.089.021.250
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	37.215.004.962	2.324.975.215	39.539.980.177
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.333.258.050	47.038.573.168	98.371.831.218
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.498.711.674	47.038.573.168	99.537.284.842

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	2.942.182.145	2.202.710.388
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (i)	397.100.388.226	881.194.548.658
Các khoản tương đương tiền (ii)	125.500.000.000	70.000.000.000
	<b>525.542.570.371</b>	<b>953.397.259.046</b>

- (i) Tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm số tiền khoảng 55 tỷ VND gửi tại Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (“OceanBank”) đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngày 08 tháng 5 năm 2015, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chính thức tiếp quản OceanBank và chuyển đổi mô hình hoạt động OceanBank thành Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương do Nhà nước làm chủ sở hữu. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.
- (ii) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng bao gồm số dư 25,5 tỷ VND tại OceanBank đang dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các khoản tiền gửi nêu trên vẫn có khả năng thu hồi, không có rủi ro tổn thất và theo đó, không phải trích lập dự phòng tổn thất tài sản.

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2015</b>		<b>31/12/2014</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a. Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>201.868.065.000</b>	<b>158.339.452.000</b>	<b>246.383.353.800</b>	<b>160.632.084.200</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	136.068.065.000	101.654.452.000	136.068.065.000	83.124.045.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL)	49.200.000.000	42.800.000.000	49.200.000.000	35.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC	-	-	30.000.000.000	21.900.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal)	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí (PHH)	-	-	13.200.000.000	5.760.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)	2.000.000.000	-	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Sông Hồng (ICG)	-	-	1.315.288.800	363.039.200
<b>b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</b>				
Tiền gửi có kỳ hạn	55.836.347.768	-	-	-

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu các bên liên quan (Trình bày tại Thuyết minh số 40)	346.278.263.269	665.267.525.786
Phải thu các bên khác	444.371.030.826	302.094.489.545
	<b>790.649.294.095</b>	<b>967.362.015.331</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	238.256.667.098	266.427.543.344
FLSmidth Wadgassen	174.599.500.950	174.599.500.950
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	113.089.334.990	112.839.334.990
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	16.032.830.809	246.661.731.693
Công ty Công nghiệp Daelim	-	871.808.649.161
Các đối tượng khác	570.157.941.889	736.548.139.359
	<b>1.112.136.275.736</b>	<b>2.408.884.899.497</b>

**10. PHẢI THU KHÁC**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại VND</b>
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>1.051.585.014.870</b>	<b>570.557.986.665</b>
- Ký cược, ký quỹ	570.628.281.271	134.318.070.377
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	106.113.162.811	104.153.573.819
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	91.468.656.510	91.468.656.510
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	46.291.634.955	60.414.537.892
- Phải thu Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội (ii)	46.233.778.156	46.233.778.156
- Phải thu khác	190.849.501.167	133.969.369.911
<b>b. Dài hạn</b>	<b>55.393.916.889</b>	<b>89.928.632.176</b>
- Ký cược, ký quỹ	55.393.916.889	89.928.632.176
	<b>1.106.978.931.759</b>	<b>660.486.618.841</b>

- (i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 41).
- (ii) Phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Hà Nội thể hiện khoản tiền ngân hàng này khấu trừ từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty tại SHB để thu hồi nợ quá hạn của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Thăng Long. Tổng Công ty đã quyết định tiến hành khởi kiện SHB để đòi lại số tiền đã bị SHB khấu trừ. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. NỢ XẤU**

Thông tin về các khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại thời điểm kết thúc năm tài chính như sau:

	31/12/2015		31/12/2014	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	221.227.199.179	90.732.738.886	219.191.643.621	214.894.826.418
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	201.627.102.195	27.804.372.891	222.576.074.601	215.348.220.637
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	181.337.477.840	41.572.357.416	240.436.601.302	62.346.608.816
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	155.457.024.682	18.628.629.266	148.566.746.908	33.832.487.749
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	133.409.071.522	71.964.870.404	132.792.425.208	92.964.790.489
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	116.380.911.198	105.354.179.110	115.767.136.834	109.695.402.667
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	25.555.543.731	909.670.604	100.552.631.134	40.057.469.070
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	69.605.577.963	3.022.782.195	78.346.624.128	13.686.180.033
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	61.611.264.659	23.030.048.513	60.087.416.072	43.235.929.089
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	45.492.182.308	-	45.477.848.975	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn	45.198.043.065	18.383.943.809	27.778.457.351	5.127.226.246
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex - PVC	44.672.654.196	1.250.162.580	94.454.967.945	11.646.894.432
Công ty Đầu tư Xây dựng và Thương mại An Thịnh Phát	40.000.000.000	12.000.000.000	40.000.000.000	20.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội	39.213.925.313	-	39.213.925.313	-
Công ty Cổ phần Xây Lắp Dầu khí 2	27.426.673.819	-	28.026.673.819	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	23.575.990.000	23.575.990.000	7.072.797.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	21.715.262.039	1.759.643.754	20.249.884.832	7.080.950.445
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	16.204.792.955	7.565.449.500	5.397.007.955	-

**12. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2015		31/12/2014 (Điều chỉnh lại)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.293.753.138	-	2.604.492.800	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	3.552.336.083.415	-	2.360.258.260.567	-
	<b>3.554.629.836.553</b>	<b>-</b>	<b>2.362.862.753.367</b>	<b>-</b>

(i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, chi phí sản xuất dở dang chi tiết theo các công trình như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	Điều chỉnh lại	Điều chỉnh lại
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 (*)	3.188.588.452.314	2.007.068.092.417
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	250.567.444.291	291.281.091.153
Các công trình khác	113.180.186.810	61.909.076.997
	<b>3.552.336.083.415</b>	<b>2.360.258.260.567</b>

(\*) Như trình bày tại Thuyết minh số 42 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của các dự án này. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.113.527.682	515.609.751
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	533.838.763	-
	<b>1.647.366.445</b>	<b>515.609.751</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	66.668.132.396	80.179.056.812
Chi phí dài hạn khác	4.759.331.937	4.178.634.276
	<b>71.427.464.333</b>	<b>84.357.691.088</b>

**14. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN**

	<b>31/12/2015</b>		<b>31/12/2014 (Điều chỉnh lại)</b>	
	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Dự phòng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	167.153.319.304	179.912.859.769	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO	101.620.000.000	5.467.156.000	101.620.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	60.587.520.000	5.922.385.000	60.587.520.000	-
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	22.623.638.889	1.235.238.889	22.623.638.889	-
	<b>564.744.018.658</b>	<b>304.134.249.196</b>	<b>564.744.018.658</b>	<b>-</b>

Số dư phải thu các công ty về cho vay dài hạn thể hiện số tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn, Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (Petroland), Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - IDICO và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC) tiền nhận chuyển nhượng cổ phần theo Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 và số tiền Tổng Công ty cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Khách sạn Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh theo Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 31 tháng 12 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty. Theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tổng Công ty đã làm việc với các công ty này đồng thời đánh giá khả năng và giá trị có thể thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay lại này làm cơ sở cho việc trích lập dự phòng phải thu dài hạn khó đòi.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	30.457.632.708	2.569.357.981	27.033.459.757	14.079.171.652	74.139.622.098
Mua sắm mới	-	1.227.180.000	-	51.500.000	1.278.680.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.736.726.095	2.774.250.000	6.693.098.428	51.700.000	11.255.774.523
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.697.161.819)	(176.712.052)	(1.873.873.871)
Tại ngày 31/12/2015	32.194.358.803	6.570.787.981	32.029.396.366	14.005.659.600	84.800.202.750
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	8.355.417.031	1.896.023.992	17.380.749.627	13.645.926.728	41.278.117.378
Trích khấu hao trong năm	2.354.600.046	810.976.498	4.326.466.107	259.824.492	7.751.867.143
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(145.022.934)	(176.712.052)	(321.734.986)
Tại ngày 31/12/2015	10.710.017.077	2.707.000.490	21.562.192.800	13.729.039.168	48.708.249.535
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2015	21.484.341.726	3.863.787.491	10.467.203.566	276.620.432	36.091.953.215
Tại ngày 31/12/2014	22.102.215.677	673.333.989	9.652.710.130	433.244.924	32.861.504.720

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 27.755.299.327 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 17.895.577.163 VND).

**16. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Phương tiện vận tải
	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	14.253.750.000
Thuê mới	4.422.358.182
Tại ngày 31/12/2015	18.676.108.182
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	3.144.532.810
Trích khấu hao trong năm	2.220.730.274
Tại ngày 31/12/2015	5.365.263.084
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2015	13.310.845.098
Tại ngày 31/12/2014	11.109.217.190



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Phần mềm máy tính VND</b>
<b>NGUYỄN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	<b>4.652.380.340</b>
Tại ngày 31/12/2015	<b>4.652.380.340</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2015	<b>4.571.838.485</b>
Trích khấu hao trong năm	44.538.700
Tại ngày 31/12/2015	<b>4.616.377.185</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
Tại ngày 31/12/2015	<b>36.003.155</b>
Tại ngày 31/12/2014	<b>80.541.855</b>

**18. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN**

	<b>31/12/2015</b>		<b>31/12/2014</b>	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn</b>				
Dự án nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch I	27.859.273.633	14.016.684.459	29.153.994.531	14.457.357.530
Dự án nhà máy Xơ sợi Polyester	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	13.780.083.636	-	13.780.083.636	-
Các công trình khác	11.436.734.433	1.618.216.162	11.436.734.433	1.618.216.162
<b>Cộng</b>	<b>78.835.416.914</b>	<b>24.797.207.501</b>	<b>80.130.137.812</b>	<b>25.237.880.572</b>

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	VND	VND
<b>b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>		
- Xây dựng cơ bản	133.735.806.156	152.334.988.194
Trong đó:		
Dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (i)	127.302.717.186	126.934.364.601
Dự án Tháp Dầu khí	-	12.524.271.679
Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	3.883.984.985
Các công trình khác	2.549.103.985	8.992.366.929
	<b>133.735.806.156</b>	<b>152.334.988.194</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***18. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN (Tiếp theo)**

(i) Thể hiện giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN ("Quyết định 7089/QĐ-DKVN"). Ngày 08 tháng 01 năm 2014, Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang ban hành Quyết định số 01/QĐ-BQL quyết định chấm dứt hoạt động dự án và thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã cấp cho Tổng Công ty thực hiện dự án. Ngày 09 tháng 01 năm 2014, PVN đã ban hành Quyết định số 238/QĐ-DKVN về việc dừng thực hiện Quyết định số 7089/QĐ-DKVN, theo đó PVN chấp thuận nguyên tắc thanh toán cho Tổng Công ty các chi phí Tổng Công ty đã thực hiện đầu tư vào dự án kể từ thời điểm PVN ký biên bản bàn giao đến thời điểm có quyết định dừng chuyển nhượng dự án. Đồng thời, ngày 20 tháng 01 năm 2014, PVN ban hành Công văn số 470/DKVN-TCKT gửi UBND tỉnh Tiền Giang đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang chỉ đạo Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Tiền Giang không thực hiện Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014 và đề nghị UBND tỉnh Tiền Giang xem xét thống nhất chủ trương để PVN nhận lại dự án từ Tổng Công ty.

Ngày 27 tháng 02 năm 2014, UBND tỉnh Tiền Giang ban hành Thông báo số 32/TB-UBND, thống nhất chủ trương cho lùi thời hạn có hiệu lực của Quyết định số 01/QĐ-BQL ngày 08 tháng 01 năm 2014. Ngày 15 tháng 01 năm 2016, Văn phòng Chính phủ ban hành Công văn số 399/VPCP-KTN yêu cầu PVN khẩn trương thực hiện chuyển giao dự án, giải quyết dứt điểm nghĩa vụ tài chính liên quan đến Tổng Công ty trước khi chuyển giao dự án cho UBND tỉnh Tiền Giang. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến các sự kiện trên.

**19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2015 VND	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông chôn Dầu khí (PVC-PT)	Thành phố Hồ Chí Minh	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
2	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	253.851.110.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
4	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
5	Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	Thành phố Hồ Chí Minh	203.793.940.000	203.793.940.000	76%	76%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
7	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.998	367.502.605.998	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn) (ii)	Quảng Ngãi	200.000.000.000	200.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
			<b>1.986.206.514.396</b>	<b>1.953.830.238.563</b>			

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**19. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)**

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% tại PVC-Đồng Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính.
- (ii) Trong năm 2015, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC Phú Đạt) đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn).

Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Thành viên PVN, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở tổ chức lại PVC Phú Đạt - nay là PVC Bình Sơn), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này). Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các quyết định nêu trên.

Theo Quyết định số 569/QĐ-XLDK ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2016.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***20. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2015 VND	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2014 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	-	2.600.000.000	0%	0%	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam SSG	Hà Nội	-	100.000.000.000	0%	0%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	55.000.000.000	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	Thành phố Hồ Chí Minh	83.848.907.055	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
7	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	Hải Phòng	63.900.000.000	63.900.000.000	35%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng
8	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
9	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) (i)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại
10	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
12	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
13	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	43%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn
14	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	73.500.000.000	73.500.000.000	49%	49%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
			<b>773.588.907.055</b>	<b>876.188.907.055</b>			

(i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Petro-link tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35% đồng thời Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày tương ứng là khoản đầu tư vào công ty liên kết.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

STT	Đầu tư dài hạn khác	31/12/2015	Tỷ lệ phần sở hữu	31/12/2014	Tỷ lệ phần sở hữu
		VND	%	VND	%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN)	48.700.000.000	15%	48.700.000.000	15%
3	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
4	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	16.764.968.199	15%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	12.500.000.000	5%
6	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao	10.200.000.000	13%	10.200.000.000	13%
7	Các khoản đầu tư dài hạn khác	8.295.000.000		8.295.000.000	
		<b>267.259.968.199</b>		<b>267.259.968.199</b>	

**22. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con	638.055.178.813	680.367.722.856
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết	660.726.153.839	627.092.976.754
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác	173.892.509.411	160.708.761.016
	<b>1.472.673.842.063</b>	<b>1.468.169.460.626</b>

**23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	Giá gốc/số có khả năng trả nợ	
	31/12/2015	31/12/2014
	VND	Điều chỉnh lại VND
Công ty Công nghiệp Daelim	1.926.217.551.948	-
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.062.581.917	176.179.097.064
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	104.261.899.153	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	102.421.562.484	56.150.054.640
Tập đoàn Sojitz	132.816.313.904	663.431.733.594
Các khoản khác	774.514.102.872	698.189.862.631
	<b>3.217.294.012.278</b>	<b>1.593.950.747.929</b>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 40)	601.436.216.971	398.279.951.304

**24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

Số dư người mua trả tiền trước ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 chủ yếu bao gồm số tiền nhận trước từ Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 với số tiền 2.225.124.854.959 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 3.836.621.594.448 VND) liên quan đến Hợp đồng thi công công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC**

Chỉ tiêu	01/01/2015	Phát sinh trong năm		31/12/2015
	Điều chỉnh lại	Số phải thu/phải nộp	Số đã thu/đã nộp	
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Các khoản phải thu</b>				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Các loại thuế khác	783.720	93.185.498	93.185.498	783.720
<b>Cộng</b>	<b>21.257.340.005</b>	<b>93.185.498</b>	<b>93.185.498</b>	<b>21.257.340.005</b>
<b>b) Các khoản phải trả</b>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	290.994.300	29.319.942.398	29.536.502.481	74.434.217
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	636.429.482.944	636.429.482.944	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.965.318.462	4.965.318.462	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.820.783.758	10.278.116.751	9.892.505.973	2.206.394.536
Thuế nộp thay nhà thầu nước ngoài	-	15.451.944.581	15.451.944.581	-
<b>Cộng</b>	<b>2.111.778.058</b>	<b>696.444.805.136</b>	<b>696.275.754.441</b>	<b>2.280.828.753</b>

**26. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2015	31/12/2014
	Điều chỉnh lại	
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>372.826.343.740</b>	<b>331.938.604.718</b>
Trích trước chi phí của các công trình xây dựng	368.248.077.175	316.044.737.763
Chi phí phải trả khác	4.578.266.565	15.893.866.955
<b>b) Dài hạn</b>	<b>73.220.620.500</b>	<b>73.926.727.446</b>
Trích trước chi phí của các công trình xây dựng	73.220.620.500	73.926.727.446
	<b>446.046.964.240</b>	<b>405.865.332.164</b>

**27. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2015	31/12/2014
	Điều chỉnh lại	
	VND	VND
Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	237.855.091.994	412.955.201.420
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	86.167.577.950	76.281.343.205
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (ii)	54.038.464.510	54.159.860.510
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn-Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (iii)	5.533.782.157	5.533.782.157
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí -PTSC	-	193.751.441.596
Sở Tài chính Hà Nội	-	41.405.472.584
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	-	15.030.542.964
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	43.831.216.233	346.792.501.443
	<b>427.426.132.844</b>	<b>1.145.910.145.879</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***27. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

(i) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và lãi vay mà Tổng Công ty sẽ phải thu lại của các công ty khác theo các hợp đồng hỗ trợ vốn để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 29.

(ii) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) chủ yếu bao gồm số tiền khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền PVN hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

(iii) Thể hiện lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long như trình bày tại Thuyết minh số 28.

**28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Chỉ tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong kỳ		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>40.700.000.000</b>	<b>40.700.000.000</b>	<b>34.608.767.015</b>	<b>12.618.273.500</b>	<b>62.690.493.515</b>	<b>62.690.493.515</b>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long (i)	40.700.000.000	40.700.000.000	-	-	40.700.000.000	40.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (ii)	-	-	34.608.767.015	12.618.273.500	21.990.493.515	21.990.493.515
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>19.038.873.320</b>	<b>19.038.873.320</b>	<b>-</b>	<b>19.038.873.320</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương	19.038.873.320	19.038.873.320	-	19.038.873.320	-	-
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 29)</b>	<b>2.505.814.000</b>	<b>2.505.814.000</b>	<b>3.401.514.533</b>	<b>2.750.626.833</b>	<b>3.156.701.700</b>	<b>3.156.701.700</b>
- Công ty cho thuê Tài chính Vietcombank	2.505.814.000	2.505.814.000	3.401.514.533	2.750.626.833	3.156.701.700	3.156.701.700
<b>Cộng</b>	<b>62.244.687.320</b>	<b>62.244.687.320</b>	<b>38.010.281.548</b>	<b>34.407.773.653</b>	<b>65.847.195.215</b>	<b>65.847.195.215</b>

(i) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số SHB/TL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa SHB - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là 17%/năm và 17,5%/năm, các khoản vay này đã quá hạn từ tháng 10 năm 2012 và chịu lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất trong hạn.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***28. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

Như trình bày tại Thuyết minh số 10, ngày 06 tháng 4 năm 2013, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (SHB) thực hiện khấu trừ 46.233.778.156 VND từ tài khoản tiền gửi 50 tỷ VND của Tổng Công ty tại SHB - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tiền gửi số 28022013/HDTG/SHB-PVC ngày 28 tháng 8 năm 2012 giữa Tổng Công ty và SHB - Chi nhánh Hà Nội để thu hồi khoản nợ đã quá hạn nêu trên của Tổng Công ty (trong đó dư nợ gốc là 40.700.000.000 VND, lãi quá hạn và phí phạt quá hạn là 5.533.778.156 VND). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, vụ kiện vẫn đang được Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm xem xét và xử lý. Do đó, Tổng Công ty chưa giảm số dư vay và lãi dự trả đối với khoản vay tại SHB - Chi nhánh Thăng Long với số tiền hạch toán lần lượt là 40.700.000.000 VND và 5.533.778.156 VND. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có liên quan đến vấn đề này.

- (ii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng Tín dụng hạn mức số 01/2015/2084/729/HĐTD ngày 21 tháng 9 năm 2015 giữa BIDV - Chi nhánh Hà Tây với Tổng Công ty. Hạn mức của hợp đồng vay này là 1.000 tỷ VND bao gồm dư nợ, dư bảo lãnh và dư mở L/C gồm cả VND, ngoại tệ quy đổi, trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 200 tỷ VND, hạn mức bảo lãnh thông thường là 800 tỷ VND. Tài sản đảm bảo được hai bên thống nhất theo từng khế ước vay. Lãi suất khoản vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức đến hết ngày 31 tháng 8 năm 2016.

**29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

Chi tiêu	31/12/2014		Phát sinh trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn (i)	974.072.855.303	974.072.855.303	-	19.038.873.320	955.033.981.983	955.033.981.983
Nợ thuê tài chính dài hạn	8.770.339.008	8.770.339.008	2.766.272.728	2.750.626.833	8.785.984.903	8.785.984.903
<b>Cộng</b>	<b>982.843.194.311</b>	<b>982.843.194.311</b>	<b>2.766.272.728</b>	<b>21.789.500.153</b>	<b>963.819.966.886</b>	<b>963.819.966.886</b>
<b>Trong đó:</b>						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	21.544.687.320				3.156.701.700	
Số phải trả sau 12 tháng	961.298.506.991				960.663.265.186	

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Vay dài hạn</b>		
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (i)	955.033.981.983	955.033.981.983
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	-	19.038.873.320
	<b>955.033.981.983</b>	<b>974.072.855.303</b>

- (i) Vay dài hạn Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (Ocean Bank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ocean Bank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) tại Ocean Bank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-Oceanbank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của Ocean Bank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014, và lãi suất 1% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (Tiếp theo)**

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	-	19.038.873.320
Trong năm thứ hai	955.033.981.983	-
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	955.033.981.983
	<b>955.033.981.983</b>	<b>974.072.855.303</b>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	-	19.038.873.320
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>955.033.981.983</b>	<b>955.033.981.983</b>

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.156.701.700	2.505.814.000
Trong năm thứ hai	4.409.598.708	2.505.814.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.219.684.495	3.758.711.008
	<b>8.785.984.903</b>	<b>8.770.339.008</b>
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	3.156.701.700	2.505.814.000
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>5.629.283.203</b>	<b>6.264.525.008</b>

**30. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	(Lỗ) lũy kế Điều chỉnh lại	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	4.000.000.000.000	(29.710.000)	35.731.619.459	41.255.373.275	500.000.000	(3.262.481.034.129)	814.976.248.605
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	99.537.284.842	99.537.284.842
Số dư tại ngày 31/12/2014	4.000.000.000.000	(29.710.000)	35.731.619.459	41.255.373.275	500.000.000	(3.162.943.749.287)	914.513.533.447
Thay đổi do áp dụng TT 200	-	-	41.255.373.275	(41.255.373.275)	-	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	-	500.000.000	(3.162.943.749.287)	914.513.533.447
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	136.678.608.688	136.678.608.688
Số dư tại ngày 31/12/2015	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	-	500.000.000	(3.026.265.140.599)	1.051.192.142.135

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 ngày 05 tháng 02 năm 2015, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	<b>Vốn đã góp tại ngày</b>			
	<b>31/12/2015</b>		<b>31/12/2014</b>	
	<b>VND</b>	<b>%</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47	2.181.733.330.000	54,54
Các cổ đông khác	1.821.266.670.000	45,53	1.818.266.670.000	45,46
	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>4.000.000.000.000</b>	<b>100</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Cổ phiếu**

	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<u>Cổ phiếu</u>	<u>Cổ phiếu</u>
- Số liệu cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+ Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu quỹ		
+ Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số liệu cổ phiếu đang lưu hành		
+ Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu.

**31. CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<u>Đơn vị tính</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
<b>Ngại tệ các loại</b>			
Đô la Mỹ (USD)	USD	26.543.260	33.622.465
Nợ khó đòi đã xử lý	VND	9.716.217.233	9.716.217.233

**32. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>Điều chỉnh lại</u>
		<u>VND</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>		
Doanh thu hoạt động xây lắp	8.886.788.441.782	6.413.458.699.663
Doanh thu bán hàng	26.223.270.979	-
Kinh doanh nhà và hạ tầng	21.565.110.030	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.509.199.512	43.630.321.587
	<u>8.950.086.022.303</u>	<u>6.457.089.021.250</u>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Giảm giá hàng bán	(216.946.739)	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>8.949.869.075.564</u>	<u>6.457.089.021.250</u>

**33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>2015</u>	<u>2014</u>
	<u>VND</u>	<u>Điều chỉnh lại</u>
		<u>VND</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp	8.610.710.308.423	6.371.671.963.373
Giá vốn của hàng hóa đã bán	27.556.542.861	-
Kinh doanh nhà và hạ tầng	21.339.846.393	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	14.327.358.517	45.877.077.700
	<u>8.673.934.056.194</u>	<u>6.417.549.041.073</u>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	9.453.286.435	16.614.695.080
Lãi chuyển nhượng cổ phần	800.000.000	7.540.300.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.328.929.300	43.471.150.050
Lãi chênh lệch tỷ giá	63.628.713.269	39.800.526.383
Doanh thu hoạt động tài chính khác	24.239.042	9.191.474.287
	<b>124.235.168.046</b>	<b>116.618.145.800</b>

**35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại VND</b>
Chi phí lãi vay	6.399.836.136	(43.536.395.530)
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	2.211.749.237	239.391.065.995
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	26.476.292.800	31.225.196.225
(Hoàn nhập)/dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	(175.100.109.426)	79.916.378.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá	30.750.056.169	38.916.621.683
Chi phí tài chính khác	2.020.044.310	2.110.959.623
	<b>(107.242.130.774)</b>	<b>348.023.826.278</b>

- (i) Như trình bày tại Thuyết minh số 41 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, trong năm 2015, một số tổ chức tín dụng đã đồng ý giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền khoảng 175 tỷ VND.

**36. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại VND</b>
Chi phí dự phòng	223.300.177.815	(429.853.117.142)
Chi phí lương	105.814.868.988	82.834.868.461
Chi phí vật liệu quản lý	1.531.676.692	2.099.398.410
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.875.074.647	77.574.387
Chi phí khấu hao	5.137.282.186	5.709.284.741
Thuế, phí, lệ phí	925.376.571	723.148.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.724.763.782	24.864.862.939
Chi phí khác bằng tiền	27.220.765.512	16.911.244.136
	<b>389.529.986.193</b>	<b>(296.632.735.978)</b>

**37. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại VND</b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.644.755.049.248	5.500.871.691.982
Chi phí nhân công	158.389.574.019	134.634.680.336
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.017.136.117	12.362.927.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.192.597.950.667	2.334.281.240.319
Chi phí dự phòng	222.120.716.601	(429.364.150.504)
Chi phí khác bằng tiền	27.220.765.512	17.491.534.028
	<b>10.255.101.192.164</b>	<b>7.570.277.923.936</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***38. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>Điều chỉnh lại</b>
		<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>135.513.155.064</b>	<b>98.371.831.218</b>
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(242.966.435.664)	(169.819.542.677)
Cộng:	7.651.648.084	225.002.515.283
- Trích bổ sung dự phòng bảo lãnh	-	206.264.770.907
- Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	5.827.268.112	5.827.268.112
- Chi phí không được khấu trừ	1.824.379.972	12.910.476.264
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>(99.801.632.516)</b>	<b>153.554.803.824</b>
Lỗ được kết chuyển	-	(153.554.803.824)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
Thuế suất hiện hành	22%	22%
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 28 và Thuyết minh số 29 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ trừ đi lỗ lũy kế).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.026.510.460.401	1.023.543.194.311
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	525.542.570.371	953.397.259.046
Nợ thuần	500.967.890.030	70.145.935.265
Vốn chủ sở hữu	1.051.192.142.135	914.513.533.447
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>0,48</b>	<b>0,08</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	525.542.570.371	953.397.259.046
Đầu tư tài chính	192.732.419.556	192.302.476.783
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	1.345.812.291.006	1.284.884.560.815
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.064.087.280.933</b>	<b>2.430.584.296.644</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	1.026.510.460.401	1.023.543.194.311
Phải trả người bán và phải trả khác	3.643.996.802.430	2.739.642.300.252
Chi phí phải trả	446.046.964.240	405.865.332.164
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.116.554.227.071</b>	<b>4.169.050.826.727</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá toàn bộ giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này sau khi Ban Tổng Giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa các rủi ro này có thể cao hơn rủi ro thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất và giá trong tương lai.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ bằng đồng Đô la Mỹ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<b>Công nợ</b>		<b>Tài sản</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>31/12/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đô la Mỹ (USD)	266.540.870.933	1.529.509.081.036	595.896.184.802	718.848.301.700

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam thay đổi 10% so với đồng Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng 10% thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty sẽ bị ảnh hưởng như sau:

	<b>Năm 2015</b>	<b>Năm 2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đô la Mỹ (USD)	32.935.531.387	(81.066.077.934)

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp. Toàn bộ các khoản vay của Tổng Công ty được thực hiện theo hình thức vay với lãi suất cố định.

*Độ nhạy của lãi suất*

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/(giảm) 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ (giảm)/tăng với số tiền tương ứng như sau:

	<b>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</b>
		<b>VND</b>
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015		
VND	+200	(615.529.568)
VND	-200	615.529.568
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	+200	(556.184.247)
VND	-200	556.184.247

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Tổng Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư... Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015, Quyết định số 569/QĐ-XLDK ngày 16 tháng 7 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty, Tổng Công ty đã và đang trong quá trình thực hiện thoái vốn một số khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2016 (như trình bày tại Thuyết minh số 42).

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

*Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tổng Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan.

*Quản lý rủi ro thanh khoản*

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>31/12/2015</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	525.542.570.371	-	525.542.570.371
Đầu tư tài chính	99.364.960.768	93.367.458.788	192.732.419.556
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	1.029.808.604.655	316.003.686.351	1.345.812.291.006
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.654.716.135.794</b>	<b>409.371.145.139</b>	<b>2.064.087.280.933</b>

<b>31/12/2015</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	65.847.195.215	960.663.265.186	1.026.510.460.401
Phải trả người bán và phải trả khác	3.643.996.802.430	-	3.643.996.802.430
Chi phí phải trả	372.826.343.740	73.220.620.500	446.046.964.240
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.082.670.341.385</b>	<b>1.033.883.885.686</b>	<b>5.116.554.227.071</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(2.427.954.205.591)</b>	<b>(624.512.740.547)</b>	<b>(3.052.466.946.138)</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***39. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	953.397.259.046	-	953.397.259.046
Đầu tư tài chính	-	192.302.476.783	192.302.476.783
Phải thu khách hàng, phải thu cho vay và phải thu khác	630.211.909.981	654.672.650.834	1.284.884.560.815
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.583.609.169.027</b>	<b>846.975.127.617</b>	<b>2.430.584.296.644</b>

31/12/2014	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay và nợ thuê tài chính	62.244.687.320	961.298.506.991	1.023.543.194.311
Phải trả người bán và phải trả khác	2.739.642.300.252	-	2.739.642.300.252
Chi phí phải trả	331.938.604.718	73.926.727.446	405.865.332.164
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.133.825.592.290</b>	<b>1.035.225.234.437</b>	<b>4.169.050.826.727</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>(1.550.216.423.263)</b>	<b>(188.250.106.820)</b>	<b>(1.738.466.530.083)</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá Tổng Công ty có rủi ro thanh khoản cao. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Kế hoạch tăng cường khả năng thanh khoản được trình bày tại Thuyết minh số 2.

**40. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Danh sách các bên liên quan chủ yếu trong năm:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Viện Dầu khí Việt Nam - PVN	Công ty mẹ
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	Cùng Tập đoàn
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần tư vấn thiết kế Dầu khí (PVE)	Cùng Tập đoàn
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCBank)	Cùng Tập đoàn
Ban Quản lý nhà máy xử lý khí Cà Mau - PVN	Cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	Công ty con
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-TH)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Công ty liên kết



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***40. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>	<b>8.206.177.814.114</b>	<b>5.344.240.098.130</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	7.619.122.533.980	5.068.718.565.626
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn - PVN	110.218.799.603	13.286.135.107
Viện Dầu khí Việt Nam - PVN	167.977.495.051	224.979.026.680
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	21.075.009.068	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	6.494.287.934	2.585.641.541
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	1.361.482.244	1.091.189.244
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	748.708.738	3.163.180.230
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	1.581.266.615	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	-	29.358.287.795
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	-	604.512.100
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	2.659.468.397	453.559.807
Ban Quản lý dự án điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	73.863.452.375	-
BQL dự án nhà máy xử lý khí Cà Mau	199.638.097.298	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	1.437.212.811	-
<b>Mua hàng</b>	<b>1.117.173.280.678</b>	<b>1.056.831.277.141</b>
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	492.010.475.889	324.591.604.627
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	271.750.817.931	171.142.514.573
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	88.886.222.473	-
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	58.353.732.080	20.906.349.050
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	155.214.020.622	78.917.729.468
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	1.722.891.207	263.172.000.240
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu Khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	45.663.186.508	2.980.110.323
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	-	2.596.151.160
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	3.271.333.906	29.286.722.200
Tổng Công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam - CTCP (EIC)	300.600.062	2.445.239.610
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	-	8.071.730.350
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	-	142.094.745.980
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn	-	7.821.841.600
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	-	2.804.537.960
<b>Cổ tức được nhận trong năm</b>	<b>50.328.929.300</b>	<b>41.005.022.050</b>
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	33.133.244.300	39.505.022.050
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	15.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Bất động sản dầu khí (Petrowaco)	395.685.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	1.500.000.000	1.500.000.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>	<b>7.322.505.000</b>	<b>5.514.318.000</b>

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng</b>	<b>346.278.263.269</b>	<b>665.267.525.786</b>
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn - PVN	29.874.704.215	361.813.628.398
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	93.745.194.564	94.661.420.412
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	87.423.358.457	87.784.608.610
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	27.233.107.690	27.233.107.690
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	22.953.353.130	24.290.046.982
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	6.993.959.814	10.518.148.406
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần (PV Gas)	9.446.793.928	38.108.793.004
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	5.100.960.838	290.654.055
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	3.698.220.476	3.698.220.476
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	2.000.000.002	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	1.502.275.671	27.558.926
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	12.375.000	636.039.038
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Lọc dầu Dung Quất - PVN	-	2.471.275.614
Ban Quản lý Dự án Cụm Khí - Điện - Đạm Cà Mau - PVN	987.236	987.236
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	1.070.333.328	-
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	14.604.529.042	-
Công ty cổ phần ĐT và TM dầu khí Thái Bình (PVC Thái Bình)	88.473.000	88.473.000
Ban Quản lý nhà máy xử lý khí Cà Mau - PVN	28.885.072.939	-
<b>Phải thu khác</b>	<b>240.703.297.853</b>	<b>218.477.117.500</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	21.714.242.426	41.644.005.807
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	21.227.199.179	19.191.643.621
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC Petroland)	43.986.190.153	37.969.543.839
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	42.451.575.400	39.522.897.671
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	1.828.999.031	1.711.415.439
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	23.972.151.850	25.399.278.480
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	16.204.792.955	16.204.792.025
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	13.500.000.000	13.500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (PVC-PT)	-	10.072.903.867
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	6.840.056.555	4.832.243.987
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	2.008.154.052	2.068.154.052
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)	41.548.634.340	-
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	61.063.200	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	-	1.000.000.000
<b>Trả trước cho người bán</b>	<b>324.533.720.891</b>	<b>464.884.003.270</b>
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	113.089.334.990	112.839.334.990
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	88.393.173.633	106.399.634.923
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	37.298.173.399	42.990.348.195
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	43.274.545.062	43.268.715.063
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	13.430.927.135	13.430.927.135
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	11.111.827.917	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	4.373.377.519	114.483.827.972
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (PVC-PT)	1.024.943.400	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	3.210.851.474	27.387.208.976
Công ty Cổ phần Phát triển đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	194.000.078	194.000.078
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	-	1.190.005.938
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	2.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà	3.485.390.491	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải)	947.175.792	-

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau (Tiếp theo):

	31/12/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Người mua trả tiền trước</b>	<b>2.329.869.034.451</b>	<b>3.857.575.307.103</b>
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN	2.225.124.854.959	3.836.621.594.448
Ban Quản lý Dự án Nhà máy Xử lý khí Cà Mau - PV Gas	-	-
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	7.918.751.144	7.918.751.144
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	5.456.975.849	5.456.975.849
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	4.795.814.624	4.795.814.624
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn - PVN	2.797.950.955	2.782.171.038
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC MT)	169.639.222	-
Viện Dầu khí Việt Nam - PVN	826.571.799	-
<b>Phải trả người bán</b>	<b>601.436.216.971</b>	<b>398.279.951.304</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	177.062.581.917	176.179.097.064
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	104.261.899.153	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	102.421.562.484	56.150.054.640
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	68.835.238.630	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	57.052.777.229	56.895.141.646
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-TH)	17.421.403.045	67.720.110.222
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê chứa Dầu khí (PVC-PT)	3.392.727.861	11.621.832.468
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN)	16.467.763.295	9.785.963.295
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí Bình Sơn (PVC Bình Sơn)	20.856.195.934	5.197.378.065
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	4.896.025.676	4.873.828.556
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC - Mekong)	21.838.639.716	-
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - PTSC	-	2.855.766.278
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	2.510.406.030	2.509.561.230
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	1.713.136.364	1.564.963.164
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG)	-	707.746.640
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên Hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	1.987.351.601	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC (PVC Petroland)	718.508.036	718.508.036
<b>Phải trả phải nộp khác</b>	<b>73.681.601.288</b>	<b>68.068.151.909</b>
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	54.038.464.510	54.159.860.510
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và lắp máy dầu khí (PVC ME)	3.006.898.799	3.021.145.139
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC MT)	2.323.270.653	3.730.662.596
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVComBank)	14.312.967.326	7.156.483.664
<b>Các khoản cho vay ngắn hạn</b>	<b>28.835.361.369</b>	<b>28.835.361.369</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC (PVC Petroland)	28.835.361.369	28.835.361.369
<b>Các khoản cho vay dài hạn</b>	<b>463.124.018.658</b>	<b>463.124.018.658</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PVC (PVC Petroland)	60.587.520.000	60.587.520.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	179.912.859.769	179.912.859.769
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	200.000.000.000	200.000.000.000
Tổng công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	22.623.638.889	22.623.638.889

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, quận Nam Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***41. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức tín dụng	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh tại ngày 31/12/2015	Dư nợ vay quá hạn tại ngày 31/12/2015	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả tại ngày 31/12/2015
PVC-HN	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Đồng Đô	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
PVC-ME	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
PVC-SG	Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	99.912.312.503	99.912.312.503	99.912.312.503
<b>Tổng cộng</b>			<b>237.855.091.994</b>	<b>237.855.091.994</b>	<b>237.855.091.994</b>

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng.

Trong năm 2015, một số tổ chức tín dụng đã đồng ý giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty. Theo đó, Tổng Công ty đã thực hiện hoàn nhập dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến nghĩa vụ bảo lãnh với số tiền khoảng 175 tỷ VND. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND. Ngoài ra, các khoản vay do Tổng Công ty bảo lãnh đã đến hạn và quá hạn tính theo thời hạn thư bảo lãnh là khoảng 238 tỷ VND. Tổng Công ty đã thực hiện đánh giá và thực hiện trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả đối với số dư nợ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2015. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang đàm phán với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ và thời gian bảo lãnh cũng như đang làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh có thể có nào liên quan đến vấn đề này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc "Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc", tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, các cơ quan có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán, sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, PVN vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung và theo đó, báo cáo tài chính riêng này chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị phát sinh ngoài hợp đồng nêu trên.

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - PVN. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020; Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ. Ngày 07 tháng 01 năm 2015, PVN đã có công văn số 091/DKVN-HĐTV gửi Thủ tướng Chính phủ đề nghị phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Ngày 16 tháng 12 năm 2015, Bộ Công thương đã có báo cáo số 12839/BCT-TCNL báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thẩm định tổng mức đầu tư điều chỉnh lần 2 của Dự án. Ngày 12 tháng 01 năm 2016, Thủ tướng Chính phủ ban hành Công văn số 71/TTg-KTN đồng ý với kiến nghị của Bộ Công thương tại báo cáo số 12839/BCT-TCNL ngày 16 tháng 12 năm 2015 và giao Bộ Công thương chỉ đạo PVN rà soát lại chi phí đầu tư trước khi phê duyệt điều chỉnh hợp đồng EPC. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng chắc chắn rằng giá trị hợp đồng EPC công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được điều chỉnh trong tương lai sẽ cao hơn giá trị hợp đồng Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ. Tổng Công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản lãi/lỗ nào tại công trình này, doanh thu tại công trình này được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**42. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (Tiếp theo)**


Theo Quyết định số 2034a/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) về việc phê duyệt phương án tái cơ cấu Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015 và Quyết định số 905/QĐ-DKVN ngày 20 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Thành viên PVN, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2013 - 2015 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (trên cơ sở tổ chức lại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt (PVC - Phú Đạt)), Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam (trên cơ sở sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại các công ty xây dựng khu vực miền Nam), Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT), Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS) và Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí Nghệ An (tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tổng Công ty chưa thực hiện đầu tư vào công ty này).

Giai đoạn sau năm 2015, Tổng Công ty chỉ còn 5 công ty con là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Bắc, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam, Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đang trong quá trình thực hiện các quyết định nêu trên.

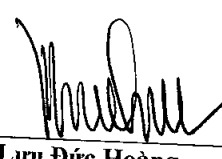
**43. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Tổng Công ty đã được kiểm toán.

Một số số liệu của năm trước đã được điều chỉnh hồi tố và phân loại lại theo Thông tư 200 và Báo cáo kiểm toán Tổng Công ty năm 2014 của Kiểm toán Nhà nước ký ngày 10 tháng 3 năm 2016 như trình bày tại Thuyết minh số 5.

  
**Vũ Thị Châm**  
Người lập biểu

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2016

  
**Lưu Đức Hoàng**  
Kế toán trưởng

  
**Nguyễn Mạnh Tiến**  
Phó Tổng Giám đốc

